

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033

Mã lớp học phần: MH110403301

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100025	Nguyễn Thanh Bình	08/11/2003	Bình	9	chín	C23QT1	
2	2110100031	Nguyễn Thị Thúy Duy	30/11/2003	Duy	7	bảy	C23QT1	
3	2110100035	Khổng Ánh Dương	21/05/2003	Dương	9	chín	C23QT1	
4	2110100022	Nguyễn Thị Thùy Dương	29/05/2003	Dương	7	bảy	C23QT1	
5	2110100004	Nguyễn Nhựt Hào	14/08/2002	Hào	9	chín	C23QT1	
6	2110100029	Lê Huỳnh Hân	28/02/2003	Hân	9	chín	C23QT1	
7	2110100005	Nguyễn Thị Cẩm Hân	13/02/2002	Hân	9	chín	C23QT1	
8	2110100006	Đặng Diễm Huyền	30/07/2002	Huyền	10	mười	C23QT1	
9	2110100003	Đinh Văn Lộc	05/12/2001	Lộc	6	sáu	C23QT1	
10	2110100015	Nguyễn Thị Nga	17/03/2003	Nga	7	bảy	C23QT1	
11	2110100030	Nguyễn Thái Nguyên	14/01/2003	Nguyên	7	bảy	C23QT1	
12	2110100018	Nguyễn Thị Kiều Oanh	25/12/2003	Oanh	10	mười	C23QT1	
13	2110100028	Võ Trương Phong	30/01/2002	Phong	7	bảy	C23QT1	
14	2110100033	Nguyễn Anh Quốc	08/12/2003	Quốc	8	tám	C23QT1	
15	2110100034	Trần Thị Bích Quyên	02/09/2000	Quyên	10	mười	C23QT1	
16	2110100009	Hàn Xuân Thy	20/11/1999	Thy	10	mười	C23QT1	
17	2110100032	Hà Mỹ Tiên	08/07/2003	Tiên	9	chín	C23QT1	
18	2110100026	Nguyễn Trần Ngọc Trâm	08/06/2003	Trâm	7	bảy	C23QT1	
19	2110100092	Lê Thị Thanh Trúc	21/12/2003	Trúc	10	mười	C23QT1	
20	2110100013	Hồ Bích Tuyền	15/05/2003	Tuyền	9	chín	C23QT1	
21	2110100007	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	20/10/2000	Tuyết	9	chín	C23QT1	
22	2110100020	Nguyễn Thị Cẩm Tú	06/11/2003	Tú	10	mười	C23QT1	
23	2110100008	Huỳnh Nhật Tường Vy	19/10/2002	Vy	7	bảy	C23QT1	
24	2110100021	Nguyễn Tường Vy	13/09/2003	Vy	7	bảy	C23QT1	
25	2110100042	Trần Thị Tường Vy	27/11/2003	Vy	6	sáu	C23QT1	
26	2110100019	Huỳnh Thị Nhã Yến	24/10/2003	Yến	10	mười	C23QT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 0 . Số bài thi: _____ / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ , _____ %

Ngày 30 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

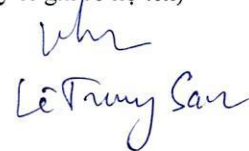


ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 10 tháng 7 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



KI

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403301

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100025	Nguyễn Thanh Bình	08/11/2003	Bình	7.6	ba, sáu	C23QT1	
2	2110100031	Nguyễn Thị Thúy Duy	30/11/2003	Duy	8.4	tám, bốn	C23QT1	
3	2110100035	Khổng Ánh Dương	21/05/2003	Dương	8	tám	C23QT1	
4	2110100022	Nguyễn Thị Thùy Dương	29/05/2003	Dương	5	năm	C23QT1	
5	2110100004	Nguyễn Nhựt Hào	14/08/2002	Hào	8.2	tám, hai	C23QT1	
6	2110100029	Lê Huỳnh Hân	28/02/2003	Hân	8	tám	C23QT1	
7	2110100005	Nguyễn Thị Cẩm Hân	13/02/2002	Hân	8	tám	C23QT1	
8	2110100006	Đặng Diễm Huyền	30/07/2002	Huyền	7.8	bảy, tám	C23QT1	
9	2110100003	Đinh Văn Lộc	05/12/2001	Lộc	6.4	sáu, bốn	C23QT1	
10	2110100015	Nguyễn Thị Nga	17/03/2003	Nga	8.4	tám, bốn	C23QT1	
11	2110100030	Nguyễn Thái Nguyên	14/01/2003	Nguyên	6.8	sáu, tám	C23QT1	
12	2110100018	Nguyễn Thị Kiều Oanh	25/12/2003	Oanh	8.6	tám, sáu	C23QT1	
13	2110100028	Võ Trương Phong	30/01/2002	Phong	5	năm	C23QT1	
14	2110100033	Nguyễn Anh Quốc	08/12/2003	Quốc	5.6	năm, sáu	C23QT1	
15	2110100034	Trần Thị Bích Quyên	02/09/2000	Quyên	7.2	bảy, hai	C23QT1	
16	2110100009	Hàn Xuân Thy	20/11/1999	Thy	8.2	tám, hai	C23QT1	
17	2110100032	Hà Mỹ Tiên	08/07/2003	Tiên	7.6	bảy, sáu	C23QT1	
18	2110100026	Nguyễn Trần Ngọc Trâm	08/06/2003	Trâm	6.8	sáu, tám	C23QT1	
19	2110100092	Lê Thị Thanh Trúc	21/12/2003	Trúc	8.8	tám, tám	C23QT1	
20	2110100013	Hồ Bích Tuyền	15/05/2003	Tuyền	8	tám	C23QT1	
21	2110100007	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	20/10/2000	Tuyết	8.8	tám, tám	C23QT1	
22	2110100020	Nguyễn Thị Cẩm Tú	06/11/2003	Tú	8.2	tám, hai	C23QT1	
23	2110100008	Huỳnh Nhật Tường Vy	19/10/2002	Vy	6.8	sáu, tám	C23QT1	
24	2110100021	Nguyễn Tường Vy	13/09/2003	Vy	8	tám	C23QT1	
25	2110100042	Trần Thị Tường Vy	27/11/2003	Vy	5.6	năm, sáu	C23QT1	
26	2110100019	Huỳnh Thị Nhã Yến	24/10/2003	Yến	8.2	tám, hai	C23QT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 0 . Số bài thi: 1 / 1 .

Số sinh viên đạt/không đạt: /

Tỷ lệ đạt: , %

Ngày 7 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 10 tháng 7 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Lê Trung Sơn



PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403301

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100068	Trần Nguyễn Quỳnh Anh	12/04/2002	Anh	7	bảy	C23QT2	
2	2110100044	Huỳnh Công Danh	25/07/2002	D	4	bốn	C23QT2	
3	2110100045	Tôn Nữ Minh Hạ	12/11/2003	Hà	7	bảy	C23QT2	
4	2110100053	Trần Thị Tuyết Hạnh	01/03/2003	Hà	7	bảy	C23QT2	
5	2110100051	Võ Thị Mỹ Hòa	28/01/2003	Hòa	7	bảy	C23QT2	
6	2110100039	Phan Thị Ngọc Huệ	24/11/2003	Huê	6	sáu	C23QT2	
7	2110100054	Lương Minh Hương	19/03/2003	Hương	8	tám	C23QT2	
8	2110100138	Phan Đăng Khoa	27/01/2003	Khoa	7	bảy	C23QT2	
9	2110100064	Nguyễn Thị Kiều Liên	17/01/2003	Liên	7	bảy	C23QT2	
10	2110100043	Nguyễn Đình Lộc	08/03/2003	Lộc	5	năm	C23QT2	
11	2110100048	Nguyễn Thị Thoại My	12/05/2003	My	7	bảy	C23QT2	
12	2110100055	Trần Hà My	28/01/2003	My	6	sáu	C23QT2	
13	2110100041	Trần Thị Thanh Nhi	09/04/2003	Nhi	6	sáu	C23QT2	
14	2110100049	Trịnh Thị Yến Nhi	16/02/2003	Nhi	8	tám	C23QT2	
15	2110100036	Võ Huỳnh Vĩnh Phát	01/07/2003	Phát	7	bảy	C23QT2	
16	2110100058	Châu Hải Phi	25/03/2003	Phi	8	tám	C23QT2	
17	2110100057	Lê Thị Tú Uyên	14/02/2003	Uyên	8	tám	C23QT2	
18	2110100159	Lê Văn Sang	29/08/2003	Sang	6	sáu	C23QT2	
19	2110100069	Nguyễn Hoàng Tấn	08/10/2002	Tấn	5	năm	C23QT2	
20	2110100050	Nguyễn Phạm Thanh Thanh	17/06/2003	Thanh	5	năm	C23QT2	
21	2110100067	Phạm Văn Chí Thành	01/01/2003	Thành	6	sáu	C23QT2	
22	2110100062	Nguyễn Thị Phương Thảo	05/10/2003	Thảo	7	bảy	C23QT2	
23	2110100066	Trương Văn Cu Trinh	06/05/2003	Trinh	6	sáu	C23QT2	
24	2110100046	Phan Minh Trí	17/08/2003	Trí	7	bảy	C23QT2	
25	2110100059	Nguyễn Tường Vi	31/03/2003	Vi	10	mười	C23QT2	
26	2110100037	Nguyễn Lê Tường Vy	19/07/2003	Vy	8	tám	C23QT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 0. Số bài thi: 1

Số sinh viên đạt/không đạt: /

Tỷ lệ đạt: , %

Ngày 10 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

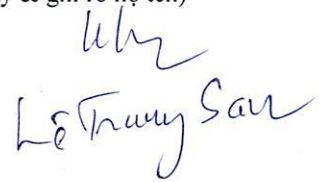


ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 10 tháng 7 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



11
K

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403301

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100068	Trần Nguyễn Quỳnh Anh	12/04/2002	Anh	8.4	lớn, lớn	C23QT2	
2	2110100044	Huỳnh Công Danh	25/07/2002	D	8.4	lớn, lớn	C23QT2	
3	2110100045	Tôn Nữ Minh Hạ	12/11/2003	Hạ	7.6	lớn, sâu	C23QT2	
4	2110100053	Trần Thị Tuyết Hạnh	01/03/2003	Hạnh	6.8	sâu, lớn	C23QT2	
5	2110100051	Võ Thị Mỹ Hòa	28/01/2003	Hòa	8	lớn	C23QT2	
6	2110100039	Phan Thị Ngọc Huế	24/11/2003	Huế	8	lớn	C23QT2	
7	2110100054	Lương Minh Hương	19/03/2003	Hương	5.2	nhỏ, hai	C23QT2	
8	2110100138	Phan Đăng Khoa	27/01/2003	Khoa	6.8	sâu, lớn	C23QT2	
9	2110100064	Nguyễn Thị Kiều Liên	17/01/2003	Liên	8	lớn	C23QT2	
10	2110100043	Nguyễn Đình Lộc	08/03/2003	Lộc	6	sâu	C23QT2	
11	2110100048	Nguyễn Thị Thoại My	12/05/2003	My	6.8	sâu, lớn	C23QT2	
12	2110100055	Trần Hà My	28/01/2003	My	7.6	lớn, sâu	C23QT2	
13	2110100041	Trần Thị Thanh Nhi	09/04/2003	Nhi	8.8	lớn, lớn	C23QT2	
14	2110100049	Trịnh Thị Yến Nhi	16/02/2003	Nhi	8	lớn	C23QT2	
15	2110100036	Võ Huỳnh Vĩnh Phát	01/07/2003	Phát	6.8	lớn, lớn	C23QT2	
16	2110100058	Châu Hải Phi	25/03/2003	Phi	8.8	lớn, lớn	C23QT2	
17	2110100057	Lê Thị Tú Uyên	14/02/2003	Uyên	5.6	nhỏ, sâu	C23QT2	
18	2110100159	Lê Văn Sang	29/08/2003	Sang	8.4	lớn, lớn	C23QT2	
19	2110100069	Nguyễn Hoàng Tấn	08/10/2002	Tấn	5	nhỏ	C23QT2	
20	2110100050	Nguyễn Phạm Thanh Thanh	17/06/2003	Thanh	5.6	nhỏ, sâu	C23QT2	
21	2110100067	Phạm Văn Chí Thành	01/01/2003	Thành	8	lớn	C23QT2	
22	2110100062	Nguyễn Thị Phương Thảo	05/10/2003	Thảo	7.6	sâu, sâu	C23QT2	
23	2110100066	Trương Văn Cu Trinh	06/05/2003	Trinh	8	lớn	C23QT2	
24	2110100046	Phan Minh Trí	17/08/2003	Trí	8.4	lớn, lớn	C23QT2	
25	2110100059	Nguyễn Tường Vi	31/03/2003	Vi	8.2	lớn, hai	C23QT2	
26	2110100037	Nguyễn Lê Tường Vy	19/07/2003	Vy	8.8	lớn, lớn	C23QT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 26 vắng thi: 0. Số bài thi: _____ / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày...tháng...năm...2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày...tháng...năm...2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Lô Trung Sơn

TRƯỞNG

KHÁ

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403301

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100191	Trần Gia Bảo	11/01/2002				C23QT3	
2	2110100101	Nguyễn Thị Kim Chung	20/11/2003	<i>KimChung</i>	9	chín	C23QT3	
3	2110100097	Phan Chung	17/03/2003	<i>PhanChung</i>	6	sáu	C23QT3	
4	2110100076	Võ Quỳnh Thanh Cường	07/12/2003	<i>PhanChung</i>	9	chín	C23QT3	
5	2110100095	Nguyễn Thị Minh Hiền	08/08/2003	<i>MinhHiền</i>	6	sáu	C23QT3	
6	2110100080	Trần Thị Ngọc Huyền	24/11/2003	<i>NgocHuyen</i>	6	sáu	C23QT3	
7	2110100082	Lê Văn Hưng	11/11/2003	<i>LeHung</i>	6	sáu	C23QT3	
8	2110100087	Trần Thị Hương	26/11/2003	<i>TranHung</i>	6	sáu	C23QT3	
9	2110100079	Mai Phú Khang	03/10/2003	<i>Khang</i>	6	sáu	C23QT3	
10	2110100085	Nguyễn Thị Kiều	17/06/2003	<i>Kieu</i>	9	chín	C23QT3	
11	2110100016	Phạm Thị Lan	18/01/2003	<i>Lan</i>	9	chín	C23QT3	
12	2110100089	Nguyễn Thị Trúc Liên	21/09/2003	<i>TrucLien</i>	8	tám	C23QT3	
13	2110100073	Nguyễn Khánh Linh	06/03/2003	<i>Linh</i>	5	năm	C23QT3	
14	2110100105	Trần Hoàng Linh	03/05/2003	<i>Linh</i>	8(8)	tám	C23QT3	
15	2110100081	Trần Quang Linh	13/09/2003	<i>Linh</i>	9	chín	C23QT3	
16	2110100001	Nguyễn Thành Long	22/04/2001	<i>Long</i>	8	tám	C23QT3	
17	2110100096	Nguyễn Thị Hồng Ngân	25/09/2003	<i>Ngan</i>	9	chín	C23QT3	
18	2110100074	Lê Thái Phương	02/09/2002	<i>Phuong</i>	6	sáu	C23QT3	
19	2110100103	Nguyễn Bùi Hải Quan	03/07/2003	<i>Quan</i>	9	chín	C23QT3	
20	2110100100	Nguyễn Bé Quảng	25/05/2003	<i>Quang</i>	7	bảy	C23QT3	
21	2110100077	Võ Lê Thu Thảo	12/05/2002	<i>ThuThao</i>	9	chín	C23QT3	
22	2110100098	Vũ Thị Thu Thảo	09/11/2002	<i>ThuThao</i>	9	chín	C23QT3	
23	2110100099	Nguyễn Phước Thịnh	29/03/2003	<i>Thinh</i>	5	năm	C23QT3	
24	2110100086	Phan Thị Kim Thoa	04/01/2003	<i>Thoa</i>	9	chín	C23QT3	
25	2110100094	Đoàn Minh Thư	15/08/2003	<i>Thu</i>	9	chín	C23QT3	
26	2110100084	Cù Phi Tiến	02/01/2003	<i>Tien</i>	5	năm	C23QT3	
27	2110100088	Nguyễn Thị Lệ Trinh	22/12/2003	<i>Trinh</i>	8	tám	C23QT3	
28	2110100083	Nguyễn Ngọc Thanh Tùng	03/03/2003	<i>Tung</i>	7	bảy	C23QT3	
29	2110100090	Bùi Quang Vinh	15/04/2003	<i>Vinh</i>	4	bốn	C23QT3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 28 vắng thi: 1 . Số bài thi: _____ / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày 07 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 10 tháng 7 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Li Trung Son

TRU

KH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403301

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100191	Trần Gia Bảo	11/01/2002				C23QT3	
2	2110100101	Nguyễn Thị Kim Chung	20/11/2003	<i>Kim Chung</i>	6.4	sai, bốn	C23QT3	
3	2110100097	Phan Chung	17/03/2003	<i>Phan Chung</i>	8.2	đúng, hai	C23QT3	
4	2110100076	Võ Quỳnh Thanh Cường	07/12/2003	<i>Quỳnh Thanh</i>	5.2	nhầm, hai	C23QT3	
5	2110100095	Nguyễn Thị Minh Hiền	08/08/2003	<i>Minh Hiền</i>	8.4	đúng, bốn	C23QT3	
6	2110100080	Trần Thị Ngọc Huyền	24/11/2003	<i>Ngọc Huyền</i>	8.4	đúng, bốn	C23QT3	
7	2110100082	Lê Văn Hưng	11/11/2003	<i>Lê Văn Hưng</i>	8	đúng	C23QT3	
8	2110100087	Trần Thị Hương	26/11/2003	<i>Trần Thị Hương</i>	6.4	sai, bốn	C23QT3	
9	2110100079	Mai Phú Khang	03/10/2003	<i>Mai Phú Khang</i>	8.4	đúng, bốn	C23QT3	
10	2110100085	Nguyễn Thị Kiều	17/06/2003	<i>Nguyễn Thị Kiều</i>	6	sai	C23QT3	
11	2110100016	Phạm Thị Lan	18/01/2003	<i>Phạm Thị Lan</i>	8.8	đúng, đúng	C23QT3	
12	2110100089	Nguyễn Thị Trúc Liên	21/09/2003	<i>Nguyễn Thị Trúc Liên</i>	6.8	sai, đúng	C23QT3	
13	2110100073	Nguyễn Khánh Linh	06/03/2003	<i>Nguyễn Khánh Linh</i>	6.4	sai, bốn	C23QT3	
14	2110100105	Trần Hoàng Linh	03/05/2003	<i>Trần Hoàng Linh</i>	7.8	đúng, đúng	C23QT3	
15	2110100081	Trần Quang Linh	13/09/2003	<i>Trần Quang Linh</i>	8.4	đúng, bốn	C23QT3	
16	2110100001	Nguyễn Thành Long	22/04/2001	<i>Nguyễn Thành Long</i>	8	đúng	C23QT3	
17	2110100096	Nguyễn Thị Hồng Ngân	25/09/2003	<i>Nguyễn Thị Hồng Ngân</i>	8.4	đúng, bốn	C23QT3	
18	2110100074	Lê Thái Phương	02/09/2002	<i>Lê Thái Phương</i>	8	đúng	C23QT3	
19	2110100103	Nguyễn Bùi Hải Quan	03/07/2003	<i>Nguyễn Bùi Hải Quan</i>	6.8	sai, đúng	C23QT3	
20	2110100100	Nguyễn Bé Quảng	25/05/2003	<i>Nguyễn Bé Quảng</i>	6.8	sai, đúng	C23QT3	
21	2110100077	Võ Lê Thu Thảo	12/05/2002	<i>Võ Lê Thu Thảo</i>	8.4	đúng, bốn	C23QT3	
22	2110100098	Vũ Thị Thu Thảo	09/11/2002	<i>Vũ Thị Thu Thảo</i>	8.4	đúng, bốn	C23QT3	
23	2110100099	Nguyễn Phước Thịnh	29/03/2003	<i>Nguyễn Phước Thịnh</i>	8.4	đúng, bốn	C23QT3	
24	2110100086	Phan Thị Kim Thoa	04/01/2003	<i>Phan Thị Kim Thoa</i>	6.4	sai, bốn	C23QT3	
25	2110100094	Đoàn Minh Thư	15/08/2003	<i>Đoàn Minh Thư</i>	8	đúng	C23QT3	
26	2110100084	Cù Phi Tiên	02/01/2003	<i>Cù Phi Tiên</i>	8	đúng	C23QT3	
27	2110100088	Nguyễn Thị Lê Trinh	22/12/2003	<i>Nguyễn Thị Lê Trinh</i>	5.2	nhầm, hai	C23QT3	
28	2110100083	Nguyễn Ngọc Thanh Tùng	03/03/2003	<i>Nguyễn Ngọc Thanh Tùng</i>	8	đúng	C23QT3	
29	2110100090	Bùi Quang Vinh	15/04/2003	<i>Bùi Quang Vinh</i>	8	đúng	C23QT3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 28 vắng thi: 1 . Số bài thi: 1 / 1 .Số sinh viên đạt/không đạt: / Tỷ lệ đạt: , %

Ngày 20 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 12 tháng 7 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Lê Trung Sơn

TRƯỞNG
KH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033

Mã lớp học phần: MH110403301

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San

Ngày thi: 20/07/2022

Giờ thi: 13h30

Số tín chỉ: 3

Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: Đ.T.N. Thu Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Đ.M. Tâm Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: Đ.V. Long Ký tên: [Signature]

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100068	Trần Nguyễn Quỳnh Anh	12/04/2002	<u>Anh</u>		2	hai	C23QT2	
2	2110100025	Nguyễn Thanh Bình	08/11/2003	<u>Bình</u>		2	hai	C23QT1	
3	2110100101	Nguyễn Thị Kim Chung	20/11/2003	<u>Kim Chung</u>		4	bốn	C23QT3	
4	2110100097	Phan Chung	17/03/2003	<u>Phan Chung</u>		4	bốn	C23QT3	
5	2110100076	Võ Quỳnh Thanh Cường	07/12/2003	<u>Phan Chung</u>		4	bốn	C23QT3	
6	2110100044	Huỳnh Công Danh	25/07/2002	<u>D</u>		4	bốn	C23QT2	
7	2110100031	Nguyễn Thị Thúy Duy	30/11/2003	<u>Duy</u>		1.5	một nửa	C23QT1	
8	2110100035	Khổng Ánh Dương	21/05/2003	<u>Dương</u>		0	không	C23QT1	
9	2110100022	Nguyễn Thị Thùy Dương	29/05/2003	<u>Dương</u>		2	hai	C23QT1	
10	2110100004	Nguyễn Nhật Hào	14/08/2002	<u>Hào</u>		2	hai	C23QT1	
11	2110100045	Tôn Nữ Minh Hạ	12/11/2003	<u>Hạ</u>		2	hai	C23QT2	
12	2110100053	Trần Thị Tuyết Hạnh	01/03/2003	<u>Hạnh</u>		5	năm	C23QT2	
13	2110100029	Lê Huỳnh Hân	28/02/2003	<u>Hân</u>		1	một	C23QT1	
14	2110100005	Nguyễn Thị Cẩm Hân	13/02/2002	<u>Hân</u>		1	một	C23QT1	
15	2110100095	Nguyễn Thị Minh Hiền	08/08/2003	<u>Hiền</u>		2	hai	C23QT3	
16	2110100051	Võ Thị Mỹ Hòa	28/01/2003	<u>Hòa</u>		3	ba	C23QT2	
17	2110100039	Phan Thị Ngọc Huế	24/11/2003	<u>Huế</u>		4	bốn	C23QT2	
18	2110100006	Đặng Diễm Huyền	30/07/2002	<u>Huyền</u>		7	bảy	C23QT1	
19	2110100080	Trần Thị Ngọc Huyền	24/11/2003	<u>Huyền</u>		2	hai	C23QT3	
20	2110100082	Lê Văn Hưng	11/11/2003	<u>Hưng</u>		2	hai	C23QT3	
21	2110100054	Lương Minh Hương	19/03/2003	<u>Hương</u>		4	bốn	C23QT2	
22	2110100087	Trần Thị Hương	26/11/2003	<u>Hương</u>		4	bốn	C23QT3	
23	2110100079	Mai Phú Khang	03/10/2003	<u>Khang</u>		0	không	C23QT3	
24	2110100138	Phan Đăng Khoa	27/01/2003	<u>Khoa</u>		2	hai	C23QT2	
25	2110100085	Nguyễn Thị Kiều	17/06/2003	<u>Kiều</u>		5	năm	C23QT3	
26	2110100016	Phạm Thị Lan	18/01/2003	<u>Lan</u>		2	hai	C23QT3	
27	2110100064	Nguyễn Thị Kiều Liên	17/01/2003	<u>Liên</u>		3	ba	C23QT2	
28	2110100089	Nguyễn Thị Trúc Liên	21/09/2003	<u>Liên</u>		6	sáu	C23QT3	
29	2110100073	Nguyễn Khánh Linh	06/03/2003	<u>Linh</u>		3	ba	C23QT3	
30	2110100105	Trần Hoàng Linh	03/05/2003	<u>Linh</u>		8	tám	C23QT3	
31	2110100081	Trần Quang Linh	13/09/2003	<u>Linh</u>		4	bốn	C23QT3	
32	2110100001	Nguyễn Thành Long	22/04/2001	<u>Long</u>		4	bốn	C23QT3	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2110100003	Đinh Văn	Lộc	05/12/2001			8	tám	C23QT1	
34	2110100043	Nguyễn Đình	Lộc	08/03/2003			1	một	C23QT2	
35	2110100048	Nguyễn Thị Thoại	My	12/05/2003			2	hai	C23QT2	
36	2110100055	Trần Hà	My	28/01/2003			7	bảy	C23QT2	
37	2110100015	Nguyễn Thị	Nga	17/03/2003			4	bốn	C23QT1	
38	2110100096	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	25/09/2003			4	bốn	C23QT3	
39	2110100030	Nguyễn Thái	Nguyên	14/01/2003			6	sáu	C23QT1	
40	2110100041	Trần Thị Thanh	Nhi	09/04/2003			4	bốn	C23QT2	
41	2110100049	Trịnh Thị Yến	Nhi	16/02/2003			3	ba	C23QT2	
42	2110100018	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	25/12/2003			10	mười	C23QT1	
43	2110100036	Võ Huỳnh Vĩnh	Phát	01/07/2003			2	hai	C23QT2	
44	2110100058	Châu Hải	Phi	25/03/2003			5	năm	C23QT2	
45	2110100028	Võ Trương	Phong	30/01/2002			1	một	C23QT1	
46	2110100074	Lê Thái	Phương	02/09/2002			7	bảy	C23QT3	
47	2110100103	Nguyễn Bùi Hải	Quan	03/07/2003			6	sáu	C23QT3	
48	2110100100	Nguyễn Bé	Quảng	25/05/2003			3	ba	C23QT3	
49	2110100033	Nguyễn Anh	Quốc	08/12/2003			3	ba	C23QT1	
50	2110100057	Lê Thị Tú	Quỳnh	14/02/2003			9	chín	C23QT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

KHẢO THÍ

Tổng số sinh viên dự thi: 50 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: 1.

Số sinh viên đạt: _____

Tỷ lệ đạt: _____%

Ngày: 30 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày: 26 tháng 7 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

L. Trương Sơn

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033

Mã lớp học phần: MH110403301

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San

Ngày thi: 20/07/2022

Giờ thi: 13h30

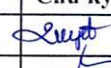
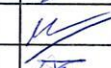
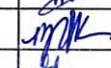
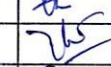
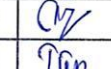
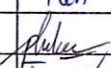
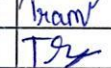
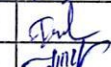
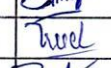
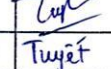
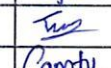
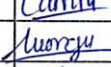
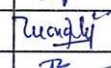
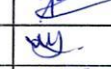
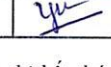
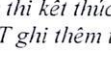
Phòng thi: A1.11

Giám thị 1: Cao Thị Quý Ký tên: 

Giám thị 2: Nguyễn Văn Ký Ký tên: 

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100034	Trần Thị Bích Quyên	02/09/2000			7	bảy	C23QT1	
2	2110100159	Lê Văn Sang	29/08/2003			6	sáu	C23QT2	
3	2110100069	Nguyễn Hoàng Tấn	08/10/2002			1	một	C23QT2	
4	2110100050	Nguyễn Phạm Thanh Thanh	17/06/2003			5	năm	C23QT2	
5	2110100067	Phạm Văn Chí Thành	01/01/2003			2	hai	C23QT2	
6	2110100062	Nguyễn Thị Phương Thảo	05/10/2003			1	một	C23QT2	
7	2110100077	Võ Lê Thu Thảo	12/05/2002			1	một	C23QT3	
8	2110100098	Vũ Thị Thu Thảo	09/11/2002			10	mười	C23QT3	
9	2110100099	Nguyễn Phước Thịnh	29/03/2003			2	hai	C23QT3	
10	2110100086	Phan Thị Kim Thoa	04/01/2003			1	một	C23QT3	
11	2110100094	Đoàn Minh Thư	15/08/2003			3	ba	C23QT3	
12	2110100009	Hàn Xuân Thy	20/11/1999			10	mười	C23QT1	
13	2110100032	Hà Mỹ Tiên	08/07/2003			2	hai	C23QT1	
14	2110100084	Cù Phi Tiến	02/01/2003			5	năm	C23QT3	
15	2110100026	Nguyễn Trần Ngọc Trâm	08/06/2003			1	một	C23QT1	
16	2110100088	Nguyễn Thị Lệ Trình	22/12/2003			0	không	C23QT3	
17	2110100066	Trương Văn Cu Trình	06/05/2003			4	bốn	C23QT2	
18	2110100046	Phan Minh Trí	17/08/2003			2	hai	C23QT2	
19	2110100092	Lê Thị Thanh Trúc	21/12/2003			10	mười	C23QT1	
20	2110100013	Hồ Bích Tuyền	15/05/2003			3	ba	C23QT1	
21	2110100007	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	20/10/2000			5	năm	C23QT1	
22	2110100083	Nguyễn Ngọc Thanh Tùng	03/03/2003			2	hai	C23QT3	
23	2110100020	Nguyễn Thị Cẩm Tú	06/11/2003			5	năm	C23QT1	
24	2110100059	Nguyễn Tường Vi	31/03/2003			5	năm	C23QT2	
25	2110100090	Bùi Quang Vinh	15/04/2003			2	hai	C23QT3	
26	2110100008	Huỳnh Nhật Tường Vy	19/10/2002			6	sáu	C23QT1	
27	2110100037	Nguyễn Lê Tường Vy	19/07/2003			1	một	C23QT2	
28	2110100021	Nguyễn Tường Vy	13/09/2003			4	bốn	C23QT1	
29	2110100042	Trần Thị Tường Vy	27/11/2003			1	một	C23QT1	
30	2110100019	Huỳnh Thị Nhã Yến	24/10/2003			4	bốn	C23QT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

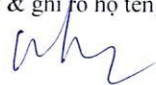
Tổng số sinh viên dự thi : 30 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: _____ / _____ .
Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 16 tháng 7 năm 2022
TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 16 tháng 7 năm 2022
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)



Lê Trung Sơn

